TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 773/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Phương Trang;

2. Bà Trần Thị Thiếu Liên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 2 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm: 1990.

Địa chỉ thường trú: số 285 Ấp 9, xã L H, huyện B L, tỉnh L A.

2. Bị đơn: Ông Võ Ngọc H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ thường trú: số 255/20 đường Tân Hòa Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 158/13 đường M L, phường Bình Trị Đ A, quận B T, Thành phố H.

Bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Võ Ngọc H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H trình bày: bà và ông Võ Ngọc H sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2013 do Ủy ban nhân dân xã L H, huyện B L, tỉnh L A cấp ngày 01/04/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp với nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn yêu thương quý trọng chăm sóc, giúp đỡ nhau người nào chỉ biết bổn phận người đó. Ông H có tính cách gia trưởng, thường xuyên gây áp lực, xúc phạm bà và gia đình. Ngoài ra, ông H còn có hành vi nguy hiểm đe dọa tính mạng bà. Dù đã hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và đã sống ly thân từ tháng 01/2023. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Kiều H yêu cầu được ly hôn với ông Võ Ngọc H.

Hiện tại bà đang làm công nhân ở Công ty TNHH ICE Quốc Tế, làm việc theo giờ hành chính có tăng ca đến 19 giờ 30 tối, thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng. Bà đang cư trú tại nhà số 285 Ấp 9, xã L H, huyện B L, tỉnh L A là nhà của cha mẹ bà tặng cho riêng bà. Về điều kiện chăm sóc con chung hàng ngày ông ngoại là người đưa đón cháu Võ T A đi học. Bà ngoại là người chăm lo ăn uống cho cháu.

- Về con chung: hai bên có 01 con chung là Võ T A, sinh ngày 08/3/2014, hiện nay con chung đang ở với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: không có

Bị đơn ông Võ Ngọc H trình bày: ông xác nhận những lời khai của bà Hoa về thời gian quen biết, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn hoàn toàn là đúng sự thật và không bổ sung gì thêm.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: ông H cho rằng trong quá trình chung sống đôi bên hạnh phúc bình thường có xảy ra mâu thuẫn nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đến mức phải ly hôn. Ông vẫn còn thương yêu vợ con nguyện vọng của ông là yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình để cùng nhau chăm sóc con chung.

Hiện tại ông là lao động tự do với công việc sửa chữa điện máy, thu nhập hàng tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Ông đang cư trú tại nhà trọ số 158/13 đường M L, phường Bình Trị Đ A, quận B T, Thành phố H.

- Về con chung: hai bên có 01 con chung là Võ T A, sinh ngày 08/3/2014. Hiện con chung đang ở với bà Hoa. Nếu Tòa án xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: ông Huân xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông H. Về con chung: bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Võ T A, sinh ngày 08/3/2014 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung: bà xác định không có.

Bị đơn: ông Võ Ngọc H không đồng ý ly hôn với bà H, yêu cầu tòa án hoãn phiên tòa cho hai vợ chồng được ly thân để ông có thời gian hòa giải đoàn tụ gia đình.

Về con chung: hai bên có 01 con chung tên Võ T A, sinh ngày 08/3/2014. Nếu Tòa án xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì ông yêu cầu mỗi người được nuôi con chung một thời gian, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung nghĩa vụ dân sự khác: ông H xác định không có.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xét thấy Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn xét xử được đảm bảo.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn do không còn tình cảm với ông H. Ông H không đồng ý ly hôn với bà H và xin được đoàn tụ. Tuy nhiên tại phiên tòa ông H không đưa ra được phương án hàn gắn hôn nhân, không thuyết phục được bà H đoàn tụ gia đình. Mặc dù Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng bà H vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn, do đó có cơ sở xác định bà H không còn tình cảm với ông H và không hạnh phúc trong hôn nhân. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: hai bên có 01 con chung tên Võ T A, sinh năm 2014, Bà H và ông H đều có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Nhận thấy, cháu Tuấn Anh hiện đang sống cùng với bà H và có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, việc giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định và phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu nuôi con chung của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung : không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Võ Ngọc H cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hố Chí Minh nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Võ Ngọc H kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã L H, huyện B L, tỉnh L A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2013 ngày 01/04/2013 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là hợp pháp;

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bản thân ông H là người gia trưởng, thường xuyên gây áp lực, xúc phạm bà H và gia đình bên vợ, mâu thuẫn vợ chồng được ông H thừa nhận tuy nhiên cho rằng có thể hàn gắn được, chưa đến mức phải ly hôn;

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông H, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông H trình bày mong muốn có thời gian để hòa giải đoàn tụ gia đình, ý kiến này không được bà H chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

Về con chung: Bà H và ông H thống nhất vợ chồng có 01 (một) con chung tên Võ T A, sinh ngày 08/3/2014; bà H và ông H cùng có yêu cầu được nuôi con chung. Xét, trẻ Võ T A hiện đang ở cùng bà H, do bà H trực tiếp chăm sóc đồng thời trẻ có yêu cầu được ở chung với mẹ, do đó để đảm bảo tính ổn định, tránh làm xáo trộn cuộc sống, học tập của trẻ cần xem xét giao trẻ Tuấn cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng;

Do bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không được trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Võ Ngọc H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Võ Ngọc H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, đề nghị này là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kiều H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 4, Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H đối với bị đơn ông Võ Ngọc H về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kiều H được ly hôn với ông Võ Ngọc H. Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2013 do Ủy ban nhân dân xã L H, huyện B L, tỉnh L A cấp ngày 01/04/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: hai bên có 01 con chung là tên Võ T A, sinh ngày 08/3/2014. Giao con chung Võ T A, sinh ngày 08/3/2014 cho bà Nguyễn Thị Kiều H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kiều H không yêu cầu ông Võ Ngọc H cấp dưỡng nuôi con.

Người không được trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Võ Ngọc H xác định không có nên không xem xét.

1.4 Nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Võ Ngọc H xác định không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Kiều H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Nguyễn Thị Kiều H đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0010685 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy bà Nguyễn Thị Kiều H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Phước